

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Trung H1, sinh năm 1988

Nơi cư trú: thôn P, xã Q, tỉnh Quảng Ninh

2. Chị Trần Thị H2, sinh năm 1991

Nơi cư trú: tổ X, khu Y, phường C, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 đăng ký kết hôn ngày 19/11/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Q, tỉnh Quảng Ninh). Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 xác nhận tình cảm không còn, đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 có 02 con chung là Nguyễn Gia H3, sinh ngày 02/01/2022 và Nguyễn Huy H4, sinh ngày 29/05/2024. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận: chị Trần Thị H2 là người

trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trung H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 02/2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 không vay nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 thỏa thuận chị Trần Thị H2 chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[6] Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 21/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất chị Trần Thị H2 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H3, sinh ngày 02/01/2022 và Nguyễn Huy H4, sinh ngày 29/05/2024 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trung H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 02/2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh Nguyễn Trung H1 và chị Trần Thị H2 không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị H2 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000141 ngày 10/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị H2 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Q, tỉnh Quảng Ninh (ĐKKH số 80/2020);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương